TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST Ngày: 02 - 6 - 2023 V/v tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: *Không tham gia phiên toà.*

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án dân sự thụ lý số: 228/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn số: 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Trần Bích D, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N1, xã L1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Bùi Phú N2, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lưu Trần Bích D trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Bùi Phú N2 tổ chức lễ cưới vào tháng 9/2022 và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cự cải, không thể điều hòa được mâu thuẫn dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị và anh N2 sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay không trở về chung sống. Sau thời gian sống ly thân, chị nhận thấy cả hai không còn tình cảm, không thể tiến đến hôn nhân hợp pháp, chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh N2.

- Về con chung: Chị và anh N2 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và hợp đồng: Chị và anh N2 không có nghĩa vụ chung về tài sản và hợp đồng đối với ai, thống nhất thỏa thuận tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 5 năm 2023 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Bùi Phú N2 trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị D về thời gian tổ chức chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Do anh còn tình cảm với chị D nên muốn được đoàn tụ để cùng nhau tiến đến hôn nhân hợp pháp. Nhưng nay chị D vẫn cương quyết không muốn tiếp tục chung sống thì anh đồng ý yêu cầu của chị D, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D.

- Về con chung: Anh và chị D không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và hợp đồng: Anh và chị D không có nghĩa vụ chung về tài sản và hợp đồng đối với ai, thống nhất thỏa thuận tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và nhận định tại các mốc đơn [1], [2], [3] "*Về nội dung*", Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục giải quyết, xét xử: Vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng; các đương sự đều có nơi cư trú rõ ràng và đã giao nộp tài liệu, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm căn cứ để giải quyết vụ án mà Tòa án không phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm không phát sinh tình tiết mới. Căn cứ vào khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định vụ án có đủ điều kiện áp dụng giải quyết, xét xử theo thủ tục rút gọn.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Xét chị D và anh N2 tổ chức chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào tháng 9/2022, có thời gian chung sống được khoảng 03 tháng nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị D và anh N2 thống nhất không muốn tiếp tục chung sống với nhau để tiến

đến hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh N2.

[2] Về con chung: Chị D, anh N2 thống nhất xác định không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng: Chị D, anh N2 thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết chị D phải chịu án phí giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng theo thủ tục rút gọn số tiền 150.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lưu Trần Bích D và anh Bùi Phú N2.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lưu Trần Bích D phải nộp án phí số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số No 0011469 ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai theo thủ tục rút gọn. Có mặt chị Lưu Trần Bích D, anh Bùi Phú N2. Báo cho chị D, anh N2 biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm rút gọn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Minh Tân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.